TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DSST
Ngày 05/4/2022
"Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huy Viễn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Tuyết Mai.
2. Ông Siu Drênh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST-DS ngày 02/12/2020, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 10/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS, ngày 25/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; Địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ông Hoàng Văn L, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai (*Theo Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng N).*

Người được ủy quyền lại: Bà Đoàn Thị Như H, Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai (*Theo Giấy ủy quyền lại số 36/2020/NHNo KCR -UQ ngày 27/11/2020 của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai).*

Bà H có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Vũ Văn H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Làng Q, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020 và ý kiến tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 17/9/2013, ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T có vay của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng số 130911.091/HĐTD với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất vay là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày

17/9/2013 đến ngày 17/9/2015. Ngày 07/10/2014 ông H, bà T đã trả cho Ngân hàng số tiền 36.833.000đ nợ gốc và 3.166.667đ nợ lãi. Đến nay ông H, bà T còn nợ gốc là 13.167.000đ. Hiện khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/3/2015 do khách hàng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ tiền vay. Nay Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai tính đến ngày 05/4/2022 số tiền cụ thể gồm các khoản sau:

Tiền nợ gốc là 13.167.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 1.518.594 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.747.732 đồng. Tổng cộng các khoản là 30.433.326 đồng (*Ba mươi triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng*). Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu ông H, bà T phải tiếp tục trả lãi phát sinh đến khi giải quyết xong vụ án.

Nếu ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N thông qua chi nhánh huyện K Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản kê khai vay vốn hay bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Về phía bị đơn trong vụ án là ông Vũ Văn H trình bày: Tôi công nhận là ngày 17/9/2013 tôi có đại diện hộ gia đình ký Hợp đồng tín dụng số 130911.091/HĐTD với nội dung vay của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất vay là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 17/9/2013 đến ngày 17/9/2015. Thực tế tôi có ký hợp đồng vay và các giấy tờ nhận tiền nhưng tôi không hề nhận được tiền vì lúc đó tôi đang làm thủ tục để cấp chứng minh nhân dân mới nên Ngân hàng không cho tôi nhận tiền. Khi đó anh Đinh Bi N (nguyên là cán bộ ngân hàng nay đã nghỉ việc) đã nhận và sử dụng khoản tiền đó. Sau này tôi đã gặp anh N nhiều lần để yêu cầu anh N phải trả nợ cho Ngân hàng nhưng mẹ anh N là bà Nguyễn Thị H mới chỉ đưa cho tôi số tiền 40.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng. Tôi đã đem toàn bộ số tiền này đem trả cho Ngân hàng vào ngày 07/10/2014 trong đó trả nợ gốc là 36.833.000 đồng và trả nợ lãi là 3.166.667 đồng. Số tiền gốc còn lại là 13.167.000 đồng anh N và mẹ anh là bà Nguyễn Thị H có hẹn khi nhận tiền bảo hiểm thôi việc thì sẽ trả nốt cho Ngân hàng. Theo tôi được biết thì đến nay anh N vẫn chưa được thanh toán bảo hiểm và chưa trả nốt nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền nợ nói trên và lãi phát sinh đến khi giải quyết xong vụ án thì ý kiến của tôi là không chấp nhận vì tôi không được sử dụng số tiền trên.

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 2013 tôi có ký Giấy ủy quyền cho chồng tôi là ông Vũ Văn H được đại diện hộ gia đình đứng ra ký Hợp đồng tín dụng dụng vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai (kèm theo là Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn). Sau đó mọi thủ tục vay cũng như ký các giấy tờ khác đều do chồng tôi thực hiện. Thực tế theo tôi được biết thì chồng tôi không hề nhận được khoản tiền vay nào dù có ký giấy tờ theo yêu cầu của cán

bộ Ngân hàng là anh Đinh Bi N. Sau này chồng tôi đã gặp anh N nhiều lần để yêu cầu anh N phải trả nợ cho Ngân hàng nhưng mẹ anh N là bà Nguyễn Thị H mới chỉ đưa cho chồng tôi số tiền 40.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Chồng tôi đã đem toàn bộ số tiền này đem trả cho Ngân hàng vào ngày 07/10/2014 trong đó trả nợ gốc là 36.833.000 đồng và trả nợ lãi là 3.166.667 đồng. Số tiền gốc còn lại là 13.167.000 đồng anh N và mẹ anh là bà Nguyễn Thị H có hẹn khi nhận tiền bảo hiểm thôi việc thì sẽ trả nốt cho Ngân hàng. Theo tôi được biết thì đến nay anh N vẫn chưa được thanh toán bảo hiểm và chưa trả nốt nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền nợ nói trên và lãi phát sinh đến khi giải quyết xong vụ án thì ý kiến của tôi là không chấp nhận vì vợ chồng tôi không được sử dụng số tiền trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên toà, khẳng định: Toà án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp; các thủ tục tố tụng còn có một số vi phạm đã được Viện kiểm sát kiến nghị và Tòa án đã khắc phục; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T phải trả lại số tiền gốc còn lại là 13.167.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 1.518.594 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.747.732 đồng, tổng cộng là 30.433.326 đồng (*Ba mươi triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng*) và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng từ sau ngày 05/4/2022 cho đến khi trả nợ hết tiền gốc.

- Đối với yêu cầu "Tuyên buộc ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/ quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A chi nhánh huyện K Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản kê khai vay vốn và bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật" là không có cơ sở để chấp nhận bởi việc xác lập hợp đồng không có biện pháp bảo đảm.

- Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng N ủy quyền cho Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai khởi kiện ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T để yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo

hợp đồng tín dụng số 130911.09/HĐTD ngày 17/9/2013. Ông H và bà T có địa chỉ cư trú tại làng Q, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai. Do vậy đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì vào ngày 17/9/2013, ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T có ký Hợp đồng tín dụng số 130911.09/HĐTD vay của Ngân hàng N - chi nhánh huyện K Đông Gia Lai (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 50.000.000 đồng; nhận tiền vay ngày 20/9/2013, lãi suất vay là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay; thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 17/9/2013 đến ngày 17/9/2015, chia thành 02 kỳ trả nợ gốc: Vào ngày 17/9 2014 đến hạn trả 10.000.000 đồng, ngày 17/09/2015 đến hạn trả 40.000.000 đồng; phân kỳ trả lãi là 6 tháng 1 kỳ. Đây là khoản vay không có bảo đảm bằng tài sản theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12/04/2010 của Chính phủ.

Tuy nhiên, đến ngày 07/10/2014 ông H, bà T mới trả cho Ngân hàng được 36.833.000 đồng nợ gốc và 3.166.667 đồng nợ lãi. Như vậy, số tiền gốc ông H, bà T còn nợ Ngân hàng là 13.167.000 đồng. Đến ngày 25/3/2015 số nợ này đã chuyển nợ quá hạn do ông H, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo hợp đồng tín dụng. Tại Biên bản làm việc đối chiếu số liệu vay vốn trực tiếp với khách hàng vào các ngày 20/11/2017, 15/10/2018 và 05/11/2019 giữa đại diện Ngân hàng với đại diện hộ gia đình ông H, bà T thì ông H đều thừa nhận số nợ này.

Do ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 24/11/2020, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả toàn bộ số nợ gốc còn lại và lãi phát sinh.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thấy rằng: Việc hai bên ký hợp đồng hợp đồng tín dụng nói trên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật dân sự tại các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ. Quá trình thực hiện hợp đồng, đã đến hạn trả gốc và lãi định kỳ nhưng bên vay không trả là vi phạm vào những cam kết mà các bên đã ký kết. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà T phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có cơ sở để chấp nhận.

Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên khi ký hợp đồng tín dụng là phù hợp với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối chiếu bảng sao kê về lãi suất do nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/4/2022, ông H và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi trong hạn là 1.518.594 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.747.732 đồng.

Như vậy, tổng cộng các khoản mà ông H và bà T phải trả cho Ngân hàng là 30.433.326 đồng bao gồm 13.167.000 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn là 1.518.594 đồng và nợ lãi quá hạn là 15.747.732 đồng.

Xét lời trình bày của bị đơn là ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, thấy rằng: Năm 2013, bà T có ký giấy ủy quyền cho chồng là ông H được đại diện hộ gia đình đứng ra ký Hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng. Ông bà đều thừa nhận ông H là người ký tên trong Hợp đồng tín dụng số 130911.091/HĐTD cũng như các giấy nhận tiền, Biên bản làm việc đối chiếu số liệu vay vốn trực tiếp với khách hàng vào các ngày 20/11/2017, 15/10/2018 và 05/11/2019. Đồng thời, ông H là người trực tiếp đứng ra trả cho Ngân hàng số tiền 36.833.000 đồng nợ gốc và 3.166.667 đồng nợ lãi vào ngày 07/10/2014. Tuy nhiên, ông bà đều cho rằng mình không được nhận và sử dụng số tiền trong hợp đồng vì tại thời điểm đó ông H đang làm lại thủ tục xin cấp Giấy chứng minh nhân dân nên Ngân hàng không cho nhận tiền mà người nhận tiền và sử dụng là ông Đinh Bi N, nguyên là cán bộ tín dụng Ngân hàng. Lời trình bày này không phù hợp với thực tế khách quan cũng như quy trình giải ngân vốn vay của Ngân hàng. Hơn nữa, ông H và bà T cho rằng ông Đinh Bi N là người nhận tiền và sử dụng khoản tiền trên nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì ông N cho rằng ông không phải là cán bộ tín dụng địa bàn nên không trực tiếp làm hồ sơ cho vay và nguyên tắc của Ngân hàng là ai vay người đó ký nhận tiền. Ông N thừa nhận có việc mẹ ông (bà Nguyễn Thị H) đứng ra trả nợ cho ông số tiền 40.000.000 đồng nhưng ông khẳng định đây là khoản vay cá nhân ông với vợ chồng ông H, bà T và số tiền nợ riêng ông N đã nhờ mẹ ông trả đủ cho ông H, bà T. Điều này phù hợp với Đơn cam đoan ngày 25/4/2014 mà ông H cung cấp cho Tòa án với nội dung ông H thừa nhận có mượn giúp cho ông Đinh Bi N số tiền 50.000.000 đồng và đây là khoản vay mượn cá nhân không liên quan đến Ngân hàng. Như vậy, giao dịch vay mượn của ông H, bà T với ông N là giao dịch cá nhân với nhau, không liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn và nằm ngoài phạm vi giải quyết, trong trường hợp phát sinh tranh chấp, ông bà có thể khởi kiện để được giải quyết theo quy định. Do đó, lời trình bày của bị đơn ông H và bà T là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc "Tuyên buộc ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/ quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A chi nhánh huyện K Đông Gia Lai có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản kê khai vay vốn và bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật" là không có cơ sở để chấp nhận bởi việc xác lập hợp đồng không có biện pháp bảo đảm. Mặt khác, trong quá trình thi hành án thì bên được thi hành án có quyền cung cấp thông tin về tài sản của bên phải thi hành án, cơ quan thi hành án có quyền xác minh thông tin về tài sản của của bên phải thi hành án để xử lý, thu hồi nợ theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 235, 264, 266, 267 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 119, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu về việc buộc bị đơn trả nợ, không chấp nhận yêu cầu về xử lý tài sản kê khai khi vay vốn.

- Buộc ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền nợ gốc là 13.167.000 đồng (Mười ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), tiền nợ lãi trong hạn là 1.518.594 đồng (Một triệu năm trăm mười tám nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng), tiền nợ lãi quá hạn là 15.747.732 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi bảy đồng bảy trăm ba mươi hai đồng), tổng cộng là 30.433.326 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (06/4/2022) ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí*:*

- Buộc ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.521.666 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai 679.033 đồng (Sáu trăm bảy mươi chín nghìn không trăm ba mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009689 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Huy Viễn